TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 284/2019/QĐST - HNGĐ	*Việt Trì, ngày 02 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 341/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Y** - sinh năm 1974

Bị đơn: Anh **Trần Lê H** - sinh năm 1973

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị C** - sinh năm 1948

Đều ĐKHKTT: Tổ 21B, khu 11, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Lê H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Lê H xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Trung H – sinh ngày 19/7/1997 và cháu Trần Lê H – sinh ngày 01/11/2004. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: Cháu Trần Trung Hiếu – sinh ngày 19/7/1997 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Huy – sinh ngày 01/11/2004. Chị Y cấp

dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được.

Chị Y có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

-Về tài sản chung: Chị Y và anh H đều xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Y, anh H và bà C đều thống nhất xác nhận vợ chồng chị Y, anh H có vay của bà C số tiền 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để lo cho con chung của chị Y- anh H là cháu Trần Trung Hiếu đi học ở nước ngoài. Khi chị Y và anh H ly hôn thì chị Y, anh H và bà C đều đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau: chị Y và anh H mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền là 125.000.000 đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

- Về công sức đóng góp: Chị Y và anh H đều xác nhận: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Y đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0000222 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thui hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7bvà 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP, Tỉnh;
- UBND p. G, Tp.V
- Chi cục THA TP;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phong Phú